

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TG
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2020/HS-ST

Ngày: 07-7-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TG, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đình Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Bạc Thị Thanh Thùy;

2. Bà Lương Thị Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Phương TH - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện TG, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TG, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2020, tại phòng xét xử, trụ sở Tòa án nhân dân huyện TG, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 43/2020/TLST - HS ngày 18 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2020/QĐXXST - HS ngày 24 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ tên: Quảng Văn H; tên gọi khác: Không; sinh năm 1988; Tại: Xã CS huyện TG, tỉnh Điện Biên. Nơi cư trú: Bản D, xã CS, huyện TG, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 6; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Quảng Văn Th, sinh năm 1964 và bà Quảng Thị L, sinh năm 1964; Bị cáo có vợ: Lò Thị Th, sinh năm 1988 (Đã ly hôn năm 2018); Bị cáo có 01 người con, sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Bị cáo chưa bị cơ quan nhà nước nào xử phạt vi phạm hành chính. Ngày 14/9/2006, bị Tòa án nhân dân huyện TG xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 05/5/2011 bị Tòa án nhân dân quận HBT, Thành Phố HN xử phạt 24 tháng tù giam về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, ngày 05/02/2013 chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương sinh sống. Bị cáo đã thi hành xong phần án phí của hai bản án này; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 28/4/2020 đến ngày 01/5/2020 và bị tạm giam từ ngày 01/5/2020 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện TG. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Chị Lò Thị Th; sinh năm 1997; Địa chỉ: Bản H, xã CS, huyện TG, tỉnh Điện Biên (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Tạ Thị Ph, sinh năm 1981; Địa chỉ: Khối TT, thị trấn TG, huyện TG, tỉnh Điện Biên (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ sáng ngày 26/4/2020, Quàng Văn H đi bộ ngang qua nhà chị Lò Thị Th, sinh năm 1997, địa chỉ: Bản H, xã CS huyện TG nhìn lên nhà sàn thì thấy nhà không đóng cửa, nên H đã nảy sinh ý định vào nhà trộm cắp tài sản. H đi lên sàn nhà chị Th thấy không có ai, H tìm tài sản để trộm cắp nhưng không có tài sản gì nên đã nằm ngủ tại sàn nhà. Đến 10 giờ sáng cùng ngày, H đi xuống gầm sàn nhà, quan sát xung quanh không có ai ở nhà nên H đi vào trong phòng ngủ lấy trộm 01 (Một) điện thoại di động I Phone 11 có giá trị 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng), sau đó H đi ra phòng khách tiếp tục trộm cắp một chiếc lắc tay bằng bạc có giá trị 195.000đ (Một trăm chín mươi lăm nghìn đồng) và số tiền 20.000đ (Hai mươi nghìn đồng). Sau khi trộm cắp được tài sản, đến ngày 27/4/2020 Quàng Văn H nhờ điện thoại của một người không biết tên tuổi gọi điện cho Lò Văn Ph, sinh năm 1996, trú tại: Bản K, xã CS, huyện TG, tỉnh Điện Biên nhờ chở ra thị trấn TG đem điện thoại đi bán cho chị Tạ Thị Ph là chủ cửa hàng buôn bán điện thoại di động tại Khối TT, thị trấn TG, huyện TG được số tiền 8.000.000đ để lấy tiền mua ma túy sử dụng và tiêu sài cá nhân. Số tiền 8.000.000đ bán được điện thoại do trộm cắp, bị cáo tiêu sài cá nhân hết 4.400.000đ, số tiền 600.000đ bị cáo khai dùng để ma túy của Cà Thị T, sinh năm 1993, trú tại: Bản K, xã CS, huyện TG, tỉnh Điện Biên vào ngày 27/4/2020, số ma túy mua được của T bị cáo khai đã sử dụng hết. Đến ngày 28/4/2020 Quàng Văn H đã ra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện TG để tự thú về hành vi phạm tội của mình.

Ngày 28/4/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện TG tạm giữ 01 (Một) vòng đeo tay bằng bạc, 01 (Một) sim điện thoại số 0337.320.619 và số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) của bị can tự nguyện giao nộp khi bị can ra tự thú về hành vi phạm tội. Trong ngày 28/4/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện TG tạm giữ 01 (Một) điện thoại di động I Phone 11, màu đen tại cửa hàng điện thoại của chị Tạ Thị Ph để phục vụ công tác điều tra.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 13/KL-ĐGTS ngày 29/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện TG, tỉnh Điện Biên đã kết luận tài sản bị cáo

trộm cắp gồm: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu APPLE, loại IPHONE 11, màu đen (đã qua sử dụng) có giá 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng).

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 14/KL-ĐGTS ngày 06/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện TG, tỉnh Điện Biên đã kết luận tài sản bị cáo trộm cắp gồm: 01 (một) vòng tay bằng bạc, khối lượng 04 (bốn chỉ) = 15 gam (Mười lăm gam), (01 chỉ = 3,75 gam). Có giá 195.000đ (Một trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

Tại phiên tòa Quảng Văn H một lần nữa đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên.

Tại bản Cáo trạng số: 43/CT-VKS-TG ngày 18/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TG, tỉnh Điện Biên đã truy tố bị cáo Quảng Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa trong lời luận tội đại diện VKSND huyện TG vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, r, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 BLHS. Xử phạt bị cáo từ 12 tháng đến 15 tháng tù; Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu xem xét. Buộc bị cáo phải bồi thường số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Tạ Thị Ph; Miễn án phí HSST cho bị cáo.

Bị cáo hoàn toàn nhất trí với bản Cáo trạng mà viện kiểm sát đã truy tố, không có ý kiến tự bào chữa cũng như không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về bản Luận tội.

Bị hại có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt vẫn giữ nguyên ý kiến như bản tự khai và lời khai trong quá trình điều tra. Về phần trách nhiệm dân sự bị hại đã nhận lại được tài sản nên không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại. Về phần trách nhiệm hình sự bị hại đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Tạ Thị Ph xin xét xử vắng mặt. Trong đơn xin xét xử vắng mặt chị vẫn giữ nguyên ý kiến của mình như bản tự khai và lời khai trong quá trình điều tra. Về phần trách nhiệm dân sự đề nghị Tòa án buộc bị cáo bồi thường cho chị số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng), ngoài ra chị không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì khác. Về phần trách nhiệm hình sự đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo ngoài xin giảm nhẹ hình phạt bị cáo không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi của bị cáo: Ngày 26/4/2020, lợi dụng sơ hở của gia đình chị Lò Thị Th, bị cáo Quảng Văn H đã lén lút dịch chuyển để chiếm đoạt tài sản gồm: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu APPLE, loại IPHONE 11, màu đen, đã qua sử dụng có giá 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng); 01 (Một) vòng tay bằng bạc có giá 195.000đ (Một trăm chín mươi lăm nghìn đồng) và số tiền 20.000đ (Hai mươi nghìn đồng). Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 17.215.000đ (Mười bảy triệu hai trăm mười lăm nghìn đồng). Hành vi chiếm đoạt tài sản của bị cáo đã hoàn thành. Với hành vi và giá trị tài sản bị cáo đã chiếm đoạt thì bị cáo đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Cáo trạng truy tố bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo là người có đủ năng lực để chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi phạm tội của bị cáo.

[2]. Về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội thì hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an, an toàn xã hội trên địa bàn xã Chiềng Sinh nói riêng và huyện TG nói chung. Hành vi của bị cáo cần phải xử lý trước pháp luật để bị cáo lấy đó là bài học cho mình đồng thời thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[3]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo đã ra tự thú, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã tự nguyện giao nộp số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) để bồi thường cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5]. Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân xấu, “Ngày 14/9/2006, bị Tòa án nhân dân huyện TG xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Trộm cắp tài sản; Ngày 05/5/2011 bị Tòa án nhân dân quận HBT, Thành Phố HN xử phạt 24 tháng tù giam về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, ngày 05/02/2013 chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương sinh sống”. Bị cáo đã thi hành xong phần án phí của hai bản án này

và đã được xóa án tích nhưng sau khi trở về địa phương sinh sống bị cáo không chịu lao động, tu dưỡng rèn luyện bản thân để trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội mà lại tiếp tục có hành vi trộm cắp tài sản cho thấy sự bất chấp pháp luật của bị cáo mục đích trộm cắp tài sản để lấy tiền tiêu sài cá nhân và mua ma túy sử dụng. Hội đồng xét xử xét thấy vẫn cần phải áp dụng hình phạt tù để tiếp tục giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời để bị cáo có điều kiện cai nghiện ma túy.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền từ 5.000.000đ đến 50.000.000đ theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự, nhưng bị cáo là người nghiện ma túy, không có nghề nghiệp ổn định, bị cáo không có thu nhập nào khác, tài sản không có gì nên không có khả năng thi hành, do vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7]. Về trách nhiệm dân sự:

- Đối với bị hại là chị Lò Thị Th: Tài sản bị cáo trộm cắp gồm 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu APPLE, loại IPHONE 11, màu đen, đã qua sử dụng và 01 (Một) vòng tay bằng bạc đã được Cơ quan Điều tra trả lại cho bị hại là chị Lò Thị Th theo Quyết định xử lý vật chứng số 55, ngày 05/05/2020, còn số tiền 20.000đ bị cáo đã sử dụng tiêu sài cá nhân. Bị hại không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 20.000đ và cũng không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại hay yêu cầu tòa án xem xét giải quyết vấn đề gì khác liên quan đến trách nhiệm dân sự của bị cáo.

- Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Tạ Thị Ph: Bị cáo bán chiếc điện thoại di động nhãn hiệu APPLE, loại IPHONE 11, màu đen, đã qua sử dụng mà bị cáo trộm cắp được cho chị Tạ Thị Ph với giá 8.000.000đ. Bị cáo đã mua ma túy sử dụng hết 600.000đ và tiêu sài cá nhân hết 4.400.000đ. Còn lại 3.000.000đ bị cáo đã giao nộp cho Cơ quan điều tra khi ra tự thú về hành vi phạm tội. Số tiền 3.000.000đ đã nộp vào Kho bạc nhà nước huyện TG. Khi chị Ph mua chiếc điện thoại trên của bị cáo thì chị Ph không biết nguồn gốc chiếc điện thoại là do bị cáo trộm cắp mà có do đó Cơ quan điều tra không đặt vấn đề xử lý đối với Tạ Thị Ph. Chị Ph xin xét xử vắng mặt, có đơn yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại số tiền là 3.000.000đ, xét thấy yêu cầu của chị Ph là có căn cứ theo quy định tại Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự và khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Số tiền 3.000.000đ bị cáo đã giao cho Cơ quan điều tra nộp vào Kho bạc nhà nước huyện TG, tại phiên tòa bị cáo nhất trí bồi thường thiệt hại cho chị Ph là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận;

[8]. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự bồi thường thiệt hại cho chị Tạ Thị Ph, nhưng bị cáo đã tự nguyện nộp tiền bồi thường thiệt hại trước khi mở phiên tòa như vậy bị cáo đã thực hiện xong nghĩa vụ bồi thường thiệt hại nên bị cáo không phải chịu án phí dân sự đối với phần bồi thường thiệt hại. Theo quy định tại điểm g Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí HSST nên bị cáo được miễn án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9]. Biện pháp tư pháp và việc xử lý vật chứng:

- Đối với chiếc sim điện thoại Viettel số 0337.320.619 là của bị cáo, khi bị cáo trộm cắp được điện thoại bị cáo đã dùng chiếc sim trên lắp vào chiếc điện thoại trộm cắp được để sử dụng Zalo và kết nối Facebook. Khi bị cáo tự thú, bị cáo giao nộp cho Cơ quan điều tra, tại phiên tòa bị cáo không yêu cầu lấy lại chiếc sim điện thoại trên. Xét thấy chiếc sim điện thoại Viettel số 0337.320.619 trên không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu APPLE, loại IPHONE 11, màu đen, đã qua sử dụng và 01 vòng tay bằng bạc, ngày 05/5/2020 Cơ quan Điều tra Công an huyện TG đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 55 trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp chị Lò Thị Th là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10]. Các vấn đề khác trong vụ án:

- Đối với Lò Văn Ph, sinh năm 1996; Trú tại: Bản Kép, xã CS huyện TG, tỉnh Điện Biên là người đã dùng xe máy chở bị cáo đi bán điện thoại di động nhãn hiệu APPLE, loại IPHONE 11, màu đen vào ngày 27/4/2020. Quá trình đưa bị cáo đi bán điện thoại thì Phong không biết nguồn gốc chiếc điện thoại bị cáo mang đi bán là do bị cáo trộm cắp mà có. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện TG không đề cập xử lý đối với phong là phù hợp nên HĐXX chấp nhận.

- Đối với Cà Thị T, sinh năm 1993; Trú tại: Bản Kép, xã CS huyện TG, tỉnh Điện Biên. Theo lời khai của bị cáo T là người đã bán ma túy cho bị cáo vào ngày 27/4/2020. Cơ quan điều tra Công an huyện TG đã tiến hành triệu tập, lấy lời khai và đối chất giữa T với bị cáo. Tuy nhiên Cà Thị T không thừa nhận việc bán ma túy cho bị cáo sử dụng như bị cáo khai. Ngoài lời khai của bị cáo, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện TG không có thêm tài liệu, chứng cứ nào khác nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TG không đề cập xử lý, nên HĐXX không xem xét.

[11]. Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện TG, tỉnh Điện Biên về hình phạt, tội danh, trách nhiệm dân sự, án phí và vật chứng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12]. Về hành vi và các Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện TG, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện TG, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc có khiếu nại gì về hành vi, Quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 38, khoản 1 Điều 173; điểm b, r, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 47; khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Căn cứ điểm c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 2 Điều 136; Điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- 1. Về tội danh:** Tuyên bố bị cáo Quàng Văn H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”
- 2. Về hình phạt:** Xử phạt bị cáo Quàng Văn H **12 (Mười hai)** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ là ngày 28/4/2020.
- 3. Về trách nhiệm dân sự:**

- Chấp nhận đề nghị của bị hại về việc không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo.

- Buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho chị Tạ Thị Ph, sinh năm 1981; Địa chỉ: Khôi TT, thị trấn TG, huyện TG, tỉnh Điện Biên số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*). Số tiền trên khi tự thú bị cáo đã tự nguyện thực hiện giao nộp tại Cơ quan điều tra Công an huyện TG và Công an huyện TG đã nộp vào tài khoản Kho bạc nhà nước huyện TG theo Giấy nộp tiền số 02, ngày 07/05/2020.

4. Về án phí: Miễn án phí Hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

5. Biện pháp tư pháp và việc xử lý vật chứng:

- Chấp nhận biên bản trao trả tài sản theo quyết định xử lý vật chứng số 55, ngày 05/5/2020 của Cơ quan Điều tra Công an huyện TG.

- Tịch thu tiêu hủy một chiếc sim điện thoại Viettel số 0337.320.619.

(Toàn bộ vật chứng của vụ án đã được cơ quan Điều tra Công an huyện TG, tỉnh Điện Biên chuyển giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện TG, tỉnh Điện Biên theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/6/2020).

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (07/7/2020). Bị hại có quyền kháng cáo bản án; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện TG;
- Cơ quan CSĐT CA huyện TG;
- Nhà tạm giữ CA huyện TG;
- Bộ phận HSNV Công an huyện TG;
- Phòng PC10 Công an T. Điện Biên;
- Chi cục THADS huyện TG;
- Bị cáo; bị hại; Người có QLVLQ;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Đình Hiếu

